TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** **TỈNH BĐ**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Mậu

2. Ông Phạm Thành Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh, là thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BĐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2023/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 25/5/2023 và Quyết định hoãn phiên toà 968/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Cẩm S, sinh năm 1988; cư trú tại thôn Hội Sơn, xã Cát Sơn, huyện Phù Cát, tỉnh BĐ; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đình Q, sinh năm 1982; cư trú tại thôn Lộc Hạ, xã Phước Thuận, huyện TP, tỉnh BĐ; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm S trình bày:

Chị và anh Lê Đình Q tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận, huyện TP, tỉnh BĐ vào ngày 20-3-2006. Sau khi kết hôn, chị và anh Q sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi nhau, chị đã cố gắng duy trì hôn nhân vì thương

các con. Đến năm 2021, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và gay gắt hơn, nguyên nhân do anh Q cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều người phải bán tài sản và vay mượn để trả nợ vì nghĩ anh Q biết sửa chữa sai lầm, lo làm ăn nuôi con, nhưng với bản tính ham mê cờ bạc nên không bỏ được. Vì không thể sống chung với anh Q được nên từ tháng 11 năm 2021, chị và anh Q đã sống ly thân nhau cho đến nay. Từ đó đến nay, anh Q vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa đổi, làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng tồi tệ, không có tiếng nói chung, không còn tin tưởng nhau, tình cảm đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Lê Trần Quang H, sinh ngày 06/4/2006 và Lê Trần Cẩm N, sinh ngày 31/8/2012. Hiện tại các con đang ở với chị, sức khỏe các con hiện tại bình thường. Hiện nay, chị không có mang thai. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Quang H và Cẩm N; chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Đình Q đã được Tòa án tống đạt thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt, không cung cấp lời khai và chứng cứ.

* Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S; giao cháu Lê Trần Quang H, sinh ngày 06/4/2006 và Lê Trần Cẩm N, sinh ngày 31/8/2012 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm S không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm S yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con. Tòa án nhân dân huyện TP đã thụ lý và đưa ra xét xử vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa lần hai, bị đơn anh Lê Đình Q vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Cho nên, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Trần Thị Cẩm S và anh Lê Đình Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận, huyện TP, tỉnh BĐ vào ngày 20-3-2006, nên hôn nhân giữa chị Trần Thị Cẩm S và anh anh Lê Đình Q là hôn nhân hợp pháp. Theo như chị S trình bày và các chứng cứ

đã cung cấp thì trong quá trình chung sống từ năm 2006 đến nay, giữa chị S và anh Q phát sinh nhiều mâu thuẫn cả về tinh thần và thể chất do bất đồng về quan điểm và tính cách; đỉnh điểm là từ tháng 11 năm 2021, chị S và anh Q đã ly thân, mỗi người sống mỗi nơi, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh Q cũng không có động thái gì để làm thay đổi tình trạng đó; Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo nhưng anh Q không đến Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, có ý thức bỏ mặc; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S và anh Q được ly hôn.

[4] Chị S và anh Q có 02 con chung là Lê Trần Quang H, sinh ngày 06/4/2006 và Lê Trần Cẩm N, sinh ngày 31/8/2012; các con đang ở với chị S, sức khỏe hiện tại bình thường. Khi ly hôn, chị S có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Xét điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị S phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm S và anh Lê Đình Q.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Lê Trần Quang H, sinh ngày 06/4/2006 và cháu Lê Trần Cẩm N, sinh ngày 31/8/2012 cho chị Trần Thị Cẩm S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Cẩm S phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001381 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh BĐ.

4. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh BĐ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TP;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP;
- UBND xã Phước Thuận, huyện TP;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm Tú